

# Bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong Luật Thư viện năm 2019 của Việt Nam

Lê Tùng Sơn<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Luật Thư viện số 46/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2019, có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 mang ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền công dân được Hiến pháp quy định với các quyền cơ bản đó là: quyền tiếp cận thông tin, quyền tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa và sử dụng các cơ sở văn hóa. Nghiên cứu tập trung tổng quan, phân tích và nhận diện quy định của pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong Luật Thư viện, từ đó khuyến nghị các biện pháp để tăng cường việc thực thi Luật trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Quyền con người, Quyền công dân, Luật Thư viện, Hoạt động thư viện

**Abstracts:** Library Law No. 46/2019 / QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 21, 2019, effective July 1st, 2020, has important implications for the completion of legal regulations on ensuring human rights and civil rights which is stipulated by the Constitution with the basic rights: the right to access information and the right to access and enjoy cultural values, to participate in cultural life and to use of cultural facilities. The study focuses on overview, analysis and identification of legal institution on ensuring human rights and civil rights in the Library Law, then recommends measures for the Law to be implemented in the coming time.

**Keywords:** Human rights, Civil rights, Library Law, Library activities

## Dẫn nhập

Luật Thư viện Việt Nam ra đời không chỉ đánh dấu bước phát triển mới đối với sự nghiệp thư viện tại Việt Nam, mà còn mang ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hoàn thiện các chế định pháp luật về quyền con người, quyền của công dân đã được Hiến định, đó là quyền tiếp cận thông tin quy định tại Điều 25; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời

sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa quy định tại Điều 41 Hiến pháp Việt Nam năm 2013<sup>1</sup>. Gắn với các quyền cơ bản này là nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo đảm thực thi thông qua các quy định có liên quan đến nâng cao chất lượng, phát triển sự nghiệp thư viện và các quy định khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia thành lập và hoạt động thư viện.

<sup>(\*)</sup> ThS., Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;  
Email: tungson.hlu@gmail.com

<sup>1</sup> <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/hienphapnam2013>, truy cập ngày 12/7/2020.



Trên cơ sở phân tích các quy định của Luật Thư viện năm 2019<sup>1</sup>, bài viết nhận diện và đánh giá những chế định của pháp luật về quyền con người, quyền của công dân và những biện pháp để bảo đảm thực thi những quyền này thông qua việc trả lời cho câu hỏi: Chế định pháp luật về bảo đảm quyền con người, quyền của công dân được đề cập trong Luật Thư viện bao gồm những nội dung gì, được bảo đảm thực thi như thế nào? Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường việc thực thi pháp luật về thư viện, để phát huy vai trò của thư viện trong việc bảo đảm thực thi các quyền cơ bản của con người và của công dân.

### 1. Một số khái niệm

#### a) Quyền con người, quyền công dân

Theo quan điểm của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về quyền con người: quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu, có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những việc được phép và tự do cơ bản của con người (OHCHR, 2006: 1).

Ở Việt Nam, trong công trình nghiên cứu của Phạm Khiêm Ích, Hoàng Văn Hào (1995: 19), quyền con người được định nghĩa là những khả năng hành động một cách có ý thức, tránh, từ chối hoặc yêu cầu giành lấy những cái gì đó, nhất là tự vệ. Một số công trình của các học giả khác nhận diện quyền con người là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Còn trong *Từ điển Luật học*, quyền con người được định nghĩa là quyền của thành viên trong xã hội loài người - quyền của tất cả mọi người. Đó

là nhân phẩm, nhu cầu, lợi ích và năng lực của con người được thể chế hóa (ghi nhận) trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia (Viện Khoa học pháp lý, 2006: 648-649).

Quyền công dân (Citizen Rights) có thể hiểu là những lợi ích pháp lý được nhà nước thừa nhận và bảo vệ cho người có quốc tịch của nước mình (Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011: 39).

Theo *Từ điển Luật học*, quyền công dân là khả năng tự do lựa chọn hành vi của công dân mà nhà nước phải bảo đảm khi công dân yêu cầu. Quyền của công dân liên quan đến nghĩa vụ tương ứng của nhà nước phải bảo đảm các điều kiện cần thiết cho công dân thực hiện các quyền đã được pháp luật quy định. Ngoài ra, quyền của công dân có thể được hiểu là những gì được hưởng, được bảo vệ mà một quốc gia dành cho công dân của mình thông qua những thừa nhận và bảo đảm thực thi bởi pháp luật quốc gia (Viện Khoa học pháp lý, 2006: 649-650).

#### b) Thư viện với việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Thư viện của Việt Nam, thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng.

Ở nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm thư viện là một thiết chế văn hóa - thông tin, có bộ sưu tập tài liệu được thu thập, xử lý, tổ chức, lưu giữ, bảo quản bởi các chuyên gia thông tin - thư viện theo tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện, để tạo lập, cung cấp thông tin, sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện đáp ứng quyền tiếp cận thông tin và hưởng thụ các giá trị văn hóa, phục vụ học tập, nghiên cứu, giải trí và các nhu cầu về thông tin khác của mỗi cá nhân, tổ chức.

<sup>1</sup> [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=198547](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=198547), truy cập ngày 12/7/2020.



Quyền tiếp cận thông tin được xác định tại Điều 69 Hiến pháp Việt Nam năm 1992<sup>1</sup> là “quyền được thông tin”, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 gọi là “quyền tiếp cận thông tin”. Trong nghiên cứu này, quyền tiếp cận thông tin được hiểu là: quyền công dân được tạo ra thông tin, tìm kiếm, tiếp nhận, phổ biến, trao đổi và sử dụng thông tin; quyền được sử dụng các sản phẩm và dịch vụ từ các thiết chế cung cấp thông tin trên nguyên tắc tự do, bình đẳng trong tiếp cận (Nguyễn Đăng Dung, 2016; Trung tâm Nghiên cứu quyền con người, 2012: 87; Nguyễn Minh Thuyết, 2016).

Quyền hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa và sử dụng các thiết chế văn hóa đã được đề cập tại Điều 41 Hiến pháp Việt Nam năm 2013. Trên bình diện quốc tế, Điều 27 của *Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người* khẳng định: mọi người có quyền tự do tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, được thưởng thức nghệ thuật và chia sẻ những tiến bộ khoa học cũng như những lợi ích xuất phát từ những tiến bộ khoa học<sup>2</sup>.

Thư viện là một trong những thiết chế bảo đảm các quyền cơ bản nêu trên. *Tuyên ngôn của UNESCO về thư viện công cộng* khẳng định thư viện công cộng mở ra sự tiếp cận tới tri thức ở cơ sở, bảo đảm cơ hội học tập liên tục, phát triển văn hóa của cá nhân và các nhóm xã hội... Tuyên ngôn này bày tỏ niềm tin của UNESCO vào thư viện công cộng như là lực lượng tích cực tác động đến việc phổ cập giáo dục, văn hóa và thông tin, cũng là yếu tố quan trọng nhất giúp củng cố hòa bình và đời sống tinh thần (UNESCO, 1994: 6).

## 2. Tổng quan về những chế định pháp luật về quyền con người và quyền công dân được đề cập trong Luật Thư viện của Việt Nam

a) Nội dung quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các thiết chế văn hóa

- Quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, sử dụng cơ sở văn hóa

Luật Thư viện của Việt Nam đã cụ thể hóa quyền tiếp cận thông tin, hưởng thụ các giá trị văn hóa và sử dụng các thiết chế văn hóa thông qua các quy định tại các Điều 42, 43 và 44.

Tổng quan các quy định này, có thể nhận thấy, Luật Thư viện đã bao phủ và đề cập đến hầu hết các nội dung trong việc bảo đảm việc tiếp cận thông tin, tiếp cận các giá trị văn hóa, hưởng thụ các giá trị văn hóa và sử dụng cơ sở văn hóa (sử dụng thư viện) đối với mọi đối tượng trong xã hội, bao gồm cả những đối tượng đặc thù trong xã hội như: những người chấp hành hình phạt tù, học tập, cải tạo tại trại giam (đây là những đối tượng bị cách ly khỏi xã hội, mất một phần hoặc toàn bộ quyền công dân, song vẫn còn quyền con người); thông qua tiếp cận các giá trị văn hóa từ sách, báo và tri thức, giúp họ sớm hoàn lương. Các đối tượng yếu thế trong xã hội như người khiếm thị, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi... cũng được bảo đảm tiếp cận thông tin một cách tối đa thông qua các quy định có tính đặc thù, đáp ứng với việc tiếp cận và sử dụng thư viện phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, lứa tuổi của họ. Đặc biệt, nâng cao mức hưởng thụ các giá trị văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số, Luật Thư viện cũng đã có quy định liên quan đến việc bảo đảm cho người dân tộc thiểu số có thể tiếp cận với ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc mình trong thư viện.

<sup>1</sup> [https://moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=22335](https://moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=22335), truy cập ngày 12/7/2020.

<sup>2</sup> Xem: *Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người* được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua tại Nghị quyết số 217 A (III) ngày 10/12/1948.



Đi cùng với việc xác định những quyền con người, quyền công dân, Luật Thư viện cũng xác định những quy định về tài nguyên thông tin hạn chế sử dụng trong thư viện (Điều 7) nhằm giới hạn việc tiếp cận thông tin ở một số trường hợp nhất định.

Như vậy, Luật Thư viện đã “khoanh vùng” những nguồn thông tin mà công dân hạn chế tiếp cận, với các quy định về hạn chế trong nội dung thông tin và hình thức thể hiện của thông tin. Đặc biệt đối với các dạng thông tin hạn chế sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, Luật đã quy định các thư viện được lưu giữ để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu (khoản 10 Điều 38 Luật Thư viện) nhằm bảo đảm phát huy tối đa giá trị của các thông tin này, bảo đảm cho mọi đối tượng có thể tiếp cận và sử dụng sách, báo, ... của thư viện phục vụ học tập, nghiên cứu và hưởng thụ các giá trị văn hóa.

- Quyền tham gia vào hoạt động văn hóa

Luật Thư viện đã cụ thể hóa quyền của con người, quyền của công dân trong việc tham gia hoạt động văn hóa được quy định tại Hiến pháp. Thông qua các quy định này, người dân trở thành trung tâm và là chủ thể chính tham gia vào hoạt động văn hóa với tư cách là đối tượng hưởng thụ các giá trị hoặc với tư cách là đối tượng tạo ra các giá trị văn hóa.

Với tư cách là đối tượng hưởng thụ văn hóa, khi tham gia vào hoạt động văn hóa, người dân có các quyền đã được phân tích ở trên (mục a).

Với tư cách là đối tượng tạo ra các giá trị văn hóa trong thư viện, người dân có quyền thành lập thư viện và tham gia các hoạt động thư viện. Điều 20 Luật Thư viện đã quy định rõ người dân có quyền thành lập thư viện ngoài công lập khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Luật. Ngoài ra, bằng việc đa dạng hóa các loại hình thư viện, Luật Thư viện đã có các quy

định tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân có thể thành lập thư viện theo mô hình doanh nghiệp nhằm tạo ra lợi nhuận, cung ứng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa, thông tin tốt hơn. Từ đây có thể thấy, Luật Thư viện đã phân nào cụ thể hóa quyền tự do kinh doanh, tham gia vào các hoạt động văn hóa - thông tin của tổ chức, cá nhân, đồng thời góp phần hoàn thiện các chính sách của nhà nước trong xã hội hóa hoạt động văn hóa.

Để cụ thể hóa quyền của tổ chức, cá nhân trong tham gia hoạt động thư viện với tư cách là chủ thể thành lập thư viện, Điều 38 của Luật Thư viện đã quy định các quyền của Thư viện. Với tổ chức, cá nhân là người làm công tác thư viện, Điều 40 của Luật Thư viện đã quy định các quyền cơ bản như: được học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức quản lý thư viện...

Như vậy, thông qua quy định về quyền của tổ chức cá nhân tham gia hoạt động thư viện trong Luật Thư viện, các chế định về quyền tiếp cận thông tin, quyền được hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa và sử dụng cơ sở văn hóa đã được cụ thể hóa, tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc nâng cao dân trí, năng lực thông tin, khả năng tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa của người dân thông qua tham gia vào hoạt động thư viện.

*b) Các biện pháp thực thi quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các thiết chế văn hóa*

Để bảo đảm cho việc thực thi quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các thiết chế văn hóa, Luật Thư viện đã có những quy định tạo hành lang pháp lý trong việc thực hiện các quyền con người, quyền công dân được quy định tại Hiến pháp, cụ thể:



- Quy định về chính sách của Nhà nước trong phát triển sự nghiệp thư viện

Luật Thư viện đã cụ thể hóa các chính sách của Nhà nước trong phát triển sự nghiệp thư viện nhằm nâng cao năng lực cung ứng các sản phẩm và dịch vụ thông tin - thư viện, phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa của người dân. Chính sách của Nhà nước trong phát triển sự nghiệp thư viện được quy định tại Điều 5 của Luật Thư viện. Cùng với đó, Nhà nước cũng có các chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thư viện với tư cách là chủ thể thành lập thư viện thông qua chính sách xã hội hóa trong hoạt động thư viện. Các chính sách này đều nhằm hướng tới việc tăng cường tiềm lực cho hoạt động thư viện, bảo đảm thực hiện các quyền của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện với vai trò là chủ thể tham gia sử dụng thư viện, tham gia thành lập và hoạt động thư viện.

- Thiết lập mạng lưới thư viện

Luật Thư viện đã thiết lập một mạng lưới thư viện rộng khắp với đầy đủ các loại hình, mô hình hoạt động thư viện phù hợp với thông lệ quốc tế trong phân chia các loại hình thư viện, từ đó tạo cơ hội cho người dân có thể tiếp cận thư viện, sử dụng và hưởng thụ các giá trị văn hóa - thông tin mà thư viện mang lại. Luật Thư viện đã xây dựng 8 loại hình cơ bản trong mạng lưới thư viện của quốc gia tương ứng với từng nhu cầu thông tin của các nhóm đối tượng xã hội khác nhau bao gồm: Thư viện Quốc gia Việt Nam; Thư viện công cộng (phục vụ cho mọi đối tượng sử dụng); Thư viện chuyên ngành (phục vụ cho các đối tượng nghiên cứu chuyên biệt trong các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu...); Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân (phục vụ cho các đối tượng trong lực lượng vũ trang nhân dân); Thư viện trong cơ sở giáo dục đại học; Thư viện trong cơ sở

giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác (phục vụ cho đối tượng trong các cơ sở giáo dục quốc dân).

Về vấn đề này, so với Pháp lệnh Thư viện năm 2000, Luật Thư viện có điểm mới là đã phân chia các loại hình này theo 2 nhóm đối tượng: thư viện công lập và thư viện ngoài công lập. Trong thư viện ngoài công lập, có các loại hình như: thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, thư viện cộng đồng và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật Thư viện mang ý nghĩa hết sức quan trọng đối với vấn đề quản lý nhà nước về thư viện, đồng thời nó còn tạo hành lang pháp lý trong việc thúc đẩy người dân tham gia hoạt động thư viện với tư cách là chủ thể thành lập thư viện; khuyến khích việc hội nhập quốc tế trong hoạt động thư viện. Sự mở rộng này tạo cơ hội cho người dân có thêm nhiều lựa chọn trong việc thực hiện các quyền con người, quyền công dân, tạo ra sự liên kết, hỗ trợ giữa các loại thư viện trong phục vụ người dân tiếp cận và sử dụng thư viện.

Cùng với việc xác định các loại hình thư viện trong hệ thống thư viện quốc gia, Luật Thư viện đã xác định vị trí, vai trò và nhiệm vụ của mỗi thư viện trong mạng lưới thư viện quốc gia, tương ứng với từng loại hình thư viện (được quy định từ Điều 10 đến Điều 17 Luật Thư viện), từ đó tạo ra những trật tự nhất định thông qua việc phân công vai trò, trách nhiệm của từng loại hình thư viện trong việc bảo đảm cho người dân có thể tiếp cận với thông tin, tri thức phục vụ phát triển văn hóa.

- Chuẩn hóa hoạt động thư viện

Hoạt động thư viện được xem là một trong những phương tiện quan trọng để bảo đảm các quyền con người, quyền của công dân trong hoạt động của thư viện.



Trong toàn bộ kết cấu của Luật Thư viện, hoạt động thư viện chiếm số lượng nhiều nhất (bao gồm 14 điều) từ Điều 24 đến Điều 37 với các quy định nhằm chuẩn hóa hoạt động thư viện, thiết lập các cơ chế vận hành trong hoạt động thư viện, thúc đẩy hoạt động thư viện không ngừng đổi mới, sáng tạo trong hoạt động để nâng cao năng lực cung ứng thông tin, sản phẩm và dịch vụ thư viện nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa của người dân trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ. Các quy định về chuẩn hóa hoạt động thư viện được xem là những quy định mới so với Pháp lệnh Thư viện năm 2000.

Việc chuẩn hóa hoạt động thư viện được xây dựng trên nền tảng nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 24 Luật Thư viện, trong đó việc lấy người sử dụng làm trung tâm, tạo lập môi trường bình đẳng, thân thiện là một trong những nguyên tắc mang tính triết lý nhằm hướng hoạt động thư viện trong việc thực hiện quyền con người, quyền công dân. Các nguyên tắc còn lại thúc đẩy quá trình chuẩn hóa trong hoạt động thư viện, góp phần thực thi các quyền cơ bản này trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ, tác động đến phương thức tiếp cận, hưởng thụ các giá trị văn hóa, tiếp cận các cơ sở văn hóa của người dân.

Đặc biệt, để thúc đẩy phát triển văn hóa nói chung và văn hóa đọc của cộng đồng nói riêng, Luật Thư viện đã có quy định về phát triển văn hóa đọc (Điều 30), theo đó ngày 21 tháng 4 hằng năm là ngày Sách và Văn hóa đọc Việt Nam. Đồng thời có các quy định về phát triển văn hóa đọc. Quy định này nhằm thúc đẩy thư viện thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, tạo cơ hội cho người dân tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tạo động lực phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng.

### 3. Kết luận và khuyến nghị

Thư viện là một trong những yếu tố bảo đảm công bằng, bình đẳng và lợi ích cho toàn thể mọi người trong xã hội trong việc tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa và sử dụng cơ sở văn hóa. Sự có mặt của Luật Thư viện đã bổ sung các chế định pháp lý quan trọng về quyền tiếp cận thông tin, quyền được hưởng thụ các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa và sử dụng các cơ sở văn hóa của người dân thông qua các quy định về quyền của người sử dụng thư viện, quyền của các đối tượng đặc thù, từ đó quy định những biện pháp bảo đảm các quyền này thông qua các quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình thư viện, các nội dung trong hoạt động thư viện, các nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong hoạt động thư viện.

Để bảo đảm thực thi các chế định pháp luật về quyền con người, quyền công dân được nêu tại Luật Thư viện, tác giả đưa ra một số khuyến nghị như sau:

*Một là*, liên quan đến việc cụ thể hóa các nội dung của Luật Thư viện, các cơ quan, đơn vị có liên quan (Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cần tiếp tục nghiên cứu sớm xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật, bảo đảm tính thực thi, hiệu lực, hiệu quả trong thi hành.

*Hai là*, cơ quan chủ trì soạn thảo Luật Thư viện cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thư viện để tổ chức, cá nhân có thể nắm bắt đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình khi tham gia các quan hệ pháp luật do Luật Thư viện điều chỉnh.

*Ba là*, hệ thống thư viện trong toàn quốc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa và thực hiện liên thông theo tinh thần của Luật Thư viện nhằm bảo



đảm quyền tiếp cận thông tin, tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa tại mọi thời điểm trong bối cảnh phát triển của khoa học và công nghệ. Đi kèm theo đó là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm các nguồn lực thúc đẩy việc đổi mới, chuẩn hóa hoạt động thư viện □

**Tài liệu tham khảo**

1. Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1976, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/Cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-dan-su-va-chinh-tri-270274.aspx>, truy cập ngày 15/8/2020.
2. Nguyễn Đăng Dung (2016), *Bình luận khoa học hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Phạm Khiêm Ích, Hoàng Văn Hào (Chủ biên, 1995), *Quyền con người trong thế giới hiện đại*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội (2011), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. OHCHR (2006), *Frequently Asked Question on a Human Rights-based*

*Approach to Development Cooperation*, New York and Geneva.

6. Nguyễn Minh Thuyết (2016), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền tiếp cận thông tin ở nước ta hiện nay*, Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước KX.03/11-15.
7. Trung tâm Nghiên cứu quyền con người - Học viện Chính trị Quốc gia (2012), *Các văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người*, Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
8. *Tuyên ngôn Thế giới về Quyền con người* được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua tại Nghị quyết số 217 A (III) ngày 10/12/1948.
9. UNESCO (1994), *Tuyên ngôn của UNESCO về thư viện công cộng*, Lê Văn Việt dịch theo bản tiếng Nga năm 1995, số 6, tr. 6 (phụ chương).
10. United Nations (1994), *Human Rights: Question and Answers*, Geneva.
11. Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư pháp - Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
12. <https://www.merriam-webster.com/dictionary/citizen>, truy cập ngày 15/7/2020.

(tiếp theo trang 9)

5. Lê Duy (2011), *Hoạt động sáp nhập mua lại làm nên thương hiệu kem đánh răng P/S*, <http://qlct.gov.vn/NewsDetail.aspx?ID=200&CateID=1>, truy cập ngày 14/11/2020.
6. OECD, *SMEs*, <https://stats.oecd.org/glossary/detail.asp?ID=3123>, truy cập ngày 28/12/2020.
7. PV. (2018), “Doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 98,1%”, *Tap chí Tài chính* ngày 21/9/2018, [http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/doanh-](http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/doanh-nghiep-nho-va-vua-chiem-98-144150.html)

*nhiep-nho-va-vua-chiem-981-144150.html*, truy cập ngày 11/12/2020.

8. WIPO (2004), *WIPO Intellectual Property Handbook*, Chapter 2, 2004 <https://www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=275&plang=EN>, truy cập ngày 14/11/2020.
9. WIPO, *What is Intellectual Property?*, [https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo\\_pub\\_450\\_2020.pdf](https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/wipo_pub_450_2020.pdf), truy cập ngày 14/11/2020.
10. <https://franchise-vietnam.com/thuong-hieu/Highlands-Coffee>, truy cập ngày 14/11/2020.